

Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án “Đường cơ động từ Tiểu đoàn 19 đi Đồn Biên phòng Yok Đôn (749)”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 7/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Công văn số 4749/STNMT-MT ngày 17/12/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đường cơ động từ Tiểu đoàn 19 đi Đồn Biên phòng Yok Đôn (749) và Văn bản số 926/BCH-HCKT ngày 24/02/2025 của Bộ Chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Lắk về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 11/TTr-SNNMT ngày 11/3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đường cơ động từ Tiểu đoàn 19 đi Đồn Biên phòng Yok Đôn (749)” (sau đây gọi là Dự án) của Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Lắk (sau đây

gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Krông Na, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ NN&MT (thay b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND huyện Buôn Đôn;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- TTCN và Cổng thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu: VT, NNMT (H. 07b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Văn

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “ĐƯỜNG CƠ ĐỘNG TỪ TIỂU ĐOÀN 19 ĐI ĐỒN BIÊN PHÒNG YOK ĐỒN (749)”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / 3 /2025 của
UBND tỉnh Đắk Lắk)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên Dự án: Đường cơ động từ Tiểu đoàn 19 đi Đồn Biên phòng Yok Đồn (749)
- Địa điểm thực hiện dự án: xã Krông Na, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.
- Chủ dự án đầu tư: Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Lắk.
- Địa chỉ liên lạc: Số 259 đường Phan Bội Châu, phường Thống Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Phạm vi dự án: Nâng cấp tuyến đường cơ động từ Tiểu đoàn 19 đi Đồn Biên phòng Yok Đồn (749) với chiều dài tuyến là 9.807 m. Điểm đầu tại Km0+00 tại ngã ba, giao với đường nhựa khu du lịch Buôn Đôn (Tọa độ theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3° : $X=1.425.567,83$; $Y = 421.917,52$). Điểm cuối tại Km9+807 tại ngã ba đường từ xã Krông Na khu vực Đồn biên phòng 749 ra biên giới huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk (Tọa độ theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3° : $X=1.418.865,04$; $Y = 415.609,55$).

- Quy mô, công suất dự án: Công trình giao thông đường bộ, cấp công trình: Cấp III.

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm: hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng; khai thác và vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

1.3.1. Các hạng mục công trình xây dựng

- Nâng cấp nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước, hệ thống an toàn giao thông trên đường; xây dựng mới 01 cầu dầm BTCT gồm 6 nhịp bắc qua sông Sêrêpôk, cụ thể:

+ Đoạn Km0+00 ÷ Km0+390: Xây dựng tuyến đi mới; mặt đường bê tông xi măng; bề rộng nền đường $B_n=6,0m$; bề rộng mặt đường $B_m = 3,50m$; bề rộng lề đường $B_l= 1,25m \times 2 \text{ bên} = 2,5m$. Trong đó, xây dựng 01 cầu dầm trên tuyến, bắc qua sông Sêrêpôk (từ Km0+076,44 ÷ Km0+228,65): kết cấu dầm cầu BTCT DUL gồm 6 nhịp $L_d=33m$; hoạt tải xe ô tô thiết kế cầu HL-93; bề rộng cầu: $B_c=6,5m+2 \times 0,5m = 7,5m$; tần suất lũ thiết kế $p=1\%$.

+ Đoạn Km0+390 ÷ Km6+00: Nâng cấp tuyến đường hiện hữu; mặt đường bê tông xi măng; bề rộng nền đường $B_n=6,0\text{m}$; bề rộng mặt đường $B_m = 3,50\text{m}$; bề rộng lề đường $B_l= 1,25\text{m} \times 2 \text{ bên} = 2,5\text{m}$,

+ Đoạn Km6+00 ÷ Km9+807: Nâng cấp tuyến đường hiện hữu; mặt đường đất san sửa, đắp đất cấp 3; bề rộng nền đường $B_n=7,0 \text{ m}$.

1.3.2. Các hoạt động của dự án đầu tư:

- Trong giai đoạn thi công xây dựng:
 - + Hoạt động giải phóng mặt bằng;
 - + Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ thi công dự án;
 - + Hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án; hoạt động vận chuyển đất đá thải; hoạt động sinh hoạt của công nhân.
- Trong giai đoạn vận hành dự án:
 - + Hoạt động của các phương tiện giao thông trên tuyến đường;
 - + Hoạt động bảo trì, sửa chữa, duy tu tuyến đường.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất của khu bảo tồn thiên nhiên (chuyển đổi khoảng 0,29 ha đất rừng đặc dụng thuộc vườn Quốc gia Yok Đôn sang đất giao thông để thực hiện dự án).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

Giai đoạn thi công, xây dựng: Hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng, đào đắp nền đường, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, ảnh hưởng đến cảnh quan, đa dạng sinh học của vườn Quốc gia và tiềm ẩn sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông.

Giai đoạn vận hành dự án: Hoạt động của các phương tiện lưu thông trên tuyến phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn và độ rung; hoạt động duy tu bảo dưỡng tuyến đường, cầu phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng:
 - + Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại Dự án với lưu lượng khoảng $2,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là các chất lơ

lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh.

+ Nước thải xây dựng: Phát sinh từ hoạt động vệ sinh thiết bị, máy móc phục vụ thi công với lưu lượng khoảng 1,0 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), dầu mỡ, Fe, Zn, Pb,...

- Giai đoạn vận hành dự án: Không có hoạt động phát sinh nước thải, chỉ phát sinh nước mưa chảy tràn kéo theo đất, cát trên tuyến đường xuống hệ thống thoát nước dọc tuyến.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công xây dựng: Phát sinh từ hoạt động đào đắp, san nền và chuẩn bị mặt bằng; thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá, vật liệu thải. Thông số ô nhiễm chủ yếu gồm: bụi, tiếng ồn, CO, NO_x, SO₂...

- Giai đoạn vận hành dự án: Phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển trên tuyến đường. Thông số ô nhiễm chủ yếu gồm: bụi, tiếng ồn, CO, NO_x, SO₂, VOCs...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Phát sinh từ sinh hoạt của công, nhân viên làm việc tại dự án với khối lượng khoảng 45 kg/ngày; thành phần chủ yếu gồm: bao bì, vỏ chai lọ, giấy carton, nilon, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa.

- Giai đoạn vận hành: Không phát sinh.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh khối lượng sinh khối khoảng 4,85 tấn. Thành phần chủ yếu gồm: chất thải thực bì, cây cỏ, đất cát bám theo rễ cây (theo biên bản ngày 10/01/2025 về việc xác nhận hiện trạng rừng tại khu vực dự kiến xin chuyển mục đích sử dụng đất rừng để thực hiện dự án, theo hiện trạng và theo bản đồ theo dõi hiện trạng rừng của Vườn Quốc gia Yok Đôn xác định không có rừng trên đất).

+ Hoạt động đào, đắp thi công nền đường phát sinh đất, đá thải với khối lượng khoảng 27.115,78 tấn,

+ Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình phát sinh các loại bao bì, xi măng, đất, đá, vụn sắt, thép, gỗ, phế liệu thải với khối lượng khoảng 39,38 tấn.

- Giai đoạn vận hành dự án: Hoạt động duy tu, bảo dưỡng tuyến đường, bảo dưỡng cầu phát sinh chất thải xây dựng với khối lượng khoảng 4 m³/đợt bảo dưỡng; thành phần chủ yếu gồm: sinh khối dọc tuyến, bê tông thải, nhựa đường, cọc tiêu hỏng...

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh từ hoạt động duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị phục vụ thi công, ước tính khối lượng phát sinh khoảng 4kg/tháng; Thành phần chủ yếu gồm: giẻ lau dính dầu mỡ thải, dầu mỡ thải, thùng sơn thải bỏ...

- Giai đoạn vận hành: Không phát sinh

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Phát sinh từ hoạt động san gạt, đào đắp; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị phục vụ thi công, vật liệu thải và hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án.

- Giai đoạn vận hành dự án: Phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông trên tuyến đường.

- Các quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.4. Các tác động khác:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Tác động đến cơ sở hạ tầng tại khu vực dự án; tác động đến cảnh quan, hệ sinh thái và đa dạng sinh học của khu vực; rủi ro sụt lún, sạt lở, cháy rừng; tai nạn lao động, tai nạn giao thông.

- Giai đoạn vận hành dự án: Tác động do sự cố về an toàn giao thông đường bộ; sự cố sạt lở, sụt lún.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

4.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Đối với nước thải sinh hoạt: Thuê công nhân tại địa phương để hạn chế phát sinh nước thải sinh hoạt; Bố trí 02 nhà vệ sinh di động để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Đối với nước thải xây dựng: bố trí khu vực rửa xe tại công trường. Nước thải từ quá trình rửa các phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công được thu gom vào 01 hồ lắng (kích thước 2,0m x 1,0m x 1,0m). Nước thải rửa xe sau khi được xử lý bằng hồ lắng và tách dầu được tái sử dụng toàn bộ cho các hoạt động trong công trường (rửa bánh xe hoặc tưới nước dập bụi trên công trường thi công); váng dầu được thu gom, lưu giữ, chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

4.1.2. *Giai đoạn vận hành dự án:* Nước mưa chảy tràn được thu gom thông qua hệ thống thoát nước ngang đường và hệ thống thoát nước dọc tuyến; thường xuyên khơi thông hệ thống thoát nước dọc, ngang tuyến và làm sạch bề mặt tuyến đường.

4.2. Các công trình và biện pháp xử lý khí thải

4.2.1. Giai đoạn thi công

- Sử dụng các phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị thi công được đăng kiểm bảo đảm các yêu cầu về an toàn và môi trường theo quy định.
- Che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải; vận chuyển đúng trọng tải quy định.
- Thi công cuốn chiếu, san lấp đến đâu lu lèn đến đó.
- Phun nước tưới ẩm để hạn chế phát tán bụi ra môi trường xung quanh tại khu vực thi công (tần suất tối thiểu 02 lần/ngày).
- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận; phương tiện vận chuyển tại công trường đảm bảo tất cả các xe được rửa sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho các cán bộ, công nhân làm việc trực tiếp tại dự án.

4.2.2. Giai đoạn vận hành

- Định kỳ duy tu, bảo dưỡng mặt đường, phun nước làm ẩm khu vực bảo dưỡng, sửa chữa trước khi tiến hành duy tu, bảo dưỡng.
- Lắp đặt biển báo hướng dẫn giao thông, quy định tốc độ xe tham gia giao thông tương ứng với cấp đường thiết kế phân tuyến tại các đoạn phù hợp.

4.2.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường: thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành; đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường và QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí.

4.3. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công xây dựng:
 - + Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 02 thùng chứa (dung tích 240L) tại các điểm đầu và cuối tuyến để tập trung toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt phát sinh; hợp đồng với đơn vị thu gom có chức năng định kỳ đến vận chuyển và xử lý theo quy định.
 - + Đối với chất thải rắn xây dựng: Xà bần gồm gạch, cát, đá... được tận dụng làm vật liệu san lấp tại các vị trí trống của dự án. Khối lượng đất đá thừa, phế liệu xây dựng thải bỏ được vận chuyển đi đổ thải vào các vị trí sau khi được sự chấp thuận của chính quyền địa phương. Vị trí đổ thải dự kiến được xác định tại nút giao giữa đường từ xã Krông Na khu vực Đồn Biên phòng 749 ra biên giới huyện Buôn Đôn giao với đường Quốc lộ 14C (diện tích 200m x 300m; sức chứa khoảng 200.000 m³). Việc đổ thải phải đảm bảo tuân thủ theo cam kết (chiều cao, diện tích đổ thải) và đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường tại bãi thải (thoát nước,

trồng cỏ mái taluy,...).

- Giai đoạn vận hành dự án: Thu gom toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh do hoạt động duy tu, bảo dưỡng các công trình và hệ thống an toàn giao thông trên tuyến về vị trí thích hợp, không cản trở giao thông; chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại

- Thu gom toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và lưu chứa trong các thiết bị chuyên dụng bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ. Bố trí kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời (diện tích 4m²; xây dựng kín, có mái che, có gắn biển hiệu cảnh báo theo quy định) tại khu vực phía Nam dự án (gần khu tập kết vật liệu xây dựng); hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

4.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; chỉ được phép đổ thải vào các vị trí được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

Sử dụng các phương tiện, máy móc được đăng kiểm bảo đảm các yêu cầu về an toàn và môi trường theo quy định; các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; trang bị các thiết bị bảo hộ cá nhân, có mũ chụp tai hoặc nút chống ồn cho công nhân vận hành máy móc thiết bị thi công theo quy định; Bố trí thời gian thi công hợp lý, hạn chế vận chuyển nguyên vật liệu vào giờ cao điểm.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Thi công các hạng mục trụ cầu trong dòng chảy theo khẩu độ thiết kế được duyệt; khơi thông dòng chảy tại các khu vực cống thoát nước ngang và dọc theo tuyến đường; bố trí các công trình phòng hộ, biện pháp phòng chống sạt lở phù hợp với từng vị trí có nguy cơ; kiểm tra công trình trước, trong và sau mùa mưa bão để có biện pháp khắc phục phù hợp

- Thường xuyên thu dọn chất thải, vật liệu rơi vãi tại công trường thi công;

định kỳ nạo vét hệ thống hồ ga, rãnh thoát nước dọc tuyến thi công, bảo đảm lưu thông dòng chảy, không gây ngập úng cục bộ.

- Tuân thủ quy trình vận chuyển, đổ thải; thực hiện giám sát an toàn bãi thải trong suốt quá trình thi công, bảo đảm việc đổ đất thải đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường.

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến hoạt động giao thông: xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông công cộng trong quá trình thi công; lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông được biết.

- Biện pháp giảm thiểu tác động tới hệ sinh thái rừng: giám sát, đảm bảo công tác thi công được triển khai trong ranh giới, phạm vi cho phép; tuyên truyền, phổ biến giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với đội ngũ cán bộ và công nhân viên tham gia thi công, vận hành dự án; giám sát chặt chẽ lực lượng thi công xây dựng, đảm bảo không chặt hạ và làm ảnh hưởng đến cây rừng ngoài phạm vi thi công của dự án; ngăn chặn mọi hành vi chặt phá cây rừng, săn bắt động vật hoang dã, xâm hại cảnh quan, hệ sinh thái rừng.

- Xây dựng và thực hiện quy chế ứng phó sự cố môi trường, phòng chống cháy rừng theo quy định.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về an ninh trật tự, an toàn xã hội, bảo tồn đa dạng sinh học; các quy định về phòng cháy rừng, ứng cứu sự cố, an toàn lao động và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong giai đoạn xây dựng nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường. Ưu tiên sử dụng lao động địa phương để giảm thiểu xung đột xã hội.

5. Chương trình giám sát môi trường của Chủ Dự án

5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn xây dựng

5.1.1. Giám sát chất lượng không khí xung quanh:

- Vị trí giám sát: 02 điểm tại các vị trí chịu tác động bởi hoạt động thi công xây dựng của dự án theo hướng gió (01 điểm tại đầu tuyến, khu vực trạm bơm buôn Trí và 01 điểm tại cuối tuyến, phía Tây Nam dự án)

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần;

- Thông số giám sát: Các yếu tố vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió), tiếng ồn, bụi, độ rung, SO₂, NO_x, CO;

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 26: 2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.1.2. Giám sát chất lượng nước mặt

- Vị trí giám sát: 01 điểm, tại sông Sêrêpôk (cách khu vực thi công cầu khoảng 50m về phía hạ lưu)
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần;
- Thông số giám sát: pH, Amoni; TSS, BOD₅, COD, DO; Tổng Nitơ; Tổng Phosphor; Tổng Coliform.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT: 2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.1.3. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ tạm thời chất thải, bãi thải của dự án.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi và khi chuyển giao chất thải).
- Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.
- Việc quản lý chất thải: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ xây dựng “Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng”.

5.1.4. Giám sát khác:

- Vị trí giám sát: Khu vực thi công xây dựng của Dự án, bãi đổ thải và khu vực lân cận chịu tác động từ hoạt động dự án.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong quá trình triển khai xây dựng.
- Nội dung giám sát: nguy cơ gây sụt lún, sạt lở đất, việc tiêu thoát nước và các sự cố môi trường khác; việc thực hiện các quy định về an toàn, vệ sinh lao động; phòng cháy chữa cháy; an toàn điện; giám sát việc chặt hạ, di dời sinh khối thực vật, trong khu vực Dự án theo đúng quy định.
- Tuân thủ theo các quy chuẩn, quy định pháp luật về lâm nghiệp, phòng cháy chữa cháy, an toàn và vệ sinh lao động, an toàn điện và các quy định khác có liên quan.

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

- Vị trí giám sát: Hai bên mố cầu qua sông Sêrêpôk (01 điểm giáp trạm bơm buôn Trí; 01 điểm tại ngã ba đầu nối vào đường của Khu du lịch Buôn Đôn); 01 điểm có nguy cơ bị sạt lở, sụt lún trên tuyến đường.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Nội dung giám sát: Mức độ xói mòn, sạt lở, sụt lún của công trình.

- Tiêu chuẩn áp dụng: Tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng và bảo vệ công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng và các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định của pháp luật liên quan.

6. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các nội dung sau:

6.1. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, đất đai, tài nguyên nước. Chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Nhà nước theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Khoanh định ranh giới của dự án và chỉ được triển khai thực hiện dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng và thực hiện đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng theo quy định pháp luật.

6.2. Tuân thủ các quy định tại Luật Lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; phối hợp với Vườn Quốc gia Yok Đôn và cơ quan chức năng tại địa phương để giám sát quá trình giải phóng mặt bằng, đảm bảo không chặt phá, di chuyển cây rừng ngoài phạm vi dự án dưới mọi hình thức; giữ gìn cảnh quan, môi trường hệ sinh thái Vườn quốc gia Yok Đôn và phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi săn bắt động vật hoang dã ngoài hành lang thi công, xâm hại cảnh quan, hệ sinh thái Vườn quốc gia Yok Đôn.

6.3. Tuân thủ Quy hoạch ngành về giao thông, lâm nghiệp đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Thiết kế cơ sở của dự án phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và thực hiện xây lắp các công trình này đúng theo quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng. Chịu trách nhiệm về các số liệu, dữ liệu đã cung cấp về dự án là cơ sở thực hiện thiết kế và đầu tư xây dựng.

6.4. Lắp đặt hệ thống, biển báo, mốc giới các địa bàn thi công khu vực dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực dự án về thời gian và địa bàn thi công, xây dựng; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình thi công. Tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công, xây dựng; thực hiện kịp thời công tác phục hoàn trả mặt bằng tại các công trường thi công, các khu vực đất tạm chiếm dụng, bãi chứa vật liệu tạm, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

6.5. Áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp; tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan. Hạn chế tối đa các tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn và các tác động khác gây ảnh hưởng đến môi trường và khu vực lân cận; bảo đảm đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác. Áp dụng biện pháp về công nghệ để giảm thiểu hiệu quả các tác động tiêu cực do nước chất thải và khí thải phát sinh trong quá trình thi công của dự án.

6.6. Chỉ được phép đổ thải vào các vị trí được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận. Thực hiện quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của dự án đều được thu gom, xử lý

đáp ứng yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan.

6.7. Tuân thủ các quy định về an toàn và phòng chống cháy nổ, an toàn hóa chất. Xây dựng kế hoạch, lắp đặt thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường; bảo đảm phòng ngừa và ứng phó kịp thời với các sự cố môi trường có thể xảy ra và báo cáo ngay với cơ quan chức năng của địa phương theo quy định.

6.8. Thiết lập mô hình quản lý, vận hành dự án và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả. Thực hiện quan trắc, giám sát môi trường và công khai phiếu kết quả quan trắc chất thải định kỳ theo đúng quy định pháp luật hiện hành; báo cáo công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định; lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra khi cần thiết; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường

6.9. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, dữ liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, số liệu tính toán, đo đạc, các mốc tọa độ của dự án; kiểm kê đối với các loại đất, cây rừng thuộc diện đền bù giải phóng mặt bằng và các tác động đối với hệ sinh thái và đa dạng sinh học khu vực dự án và lân cận. Chịu trách nhiệm toàn bộ và cam kết đền bù, khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố, sạt lở, sụt lún do hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án.

6.10. Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có sự thay đổi so với Quyết định phê duyệt này, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020./.